

Bản án số: 26/2021/HS-ST

Ngày: 03 - 02 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bảo Hồng.

Bà Lý Ngọc Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Phúc – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Ngọc Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn U; sinh năm: 1989, tại Kiên Giang; nơi cư trú (Hộ khẩu thường trú: 12/17/10A Đ.C.T, phường R.S, thành phố R.G, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở: 2737A P.T.H, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (chết) và bà Lê Thị X; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/3/2020 đến nay. (có mặt)

2. Lê Thị Diễm T; sinh năm: 1999, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (Hộ khẩu thường trú: 1/7/2 Đ.A.T, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Trần Thị Trung T; chưa có chồng nhưng có 01 con sinh ngày 22/8/2018; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (có mặt)

3. Nguyễn Minh Tr; sinh năm: 2000, tại Long An; nơi cư trú (Hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã T.T, thị xã K.T, tỉnh Long An; Chỗ ở: D20/533E N.V.L, ấp 4, xã P.P, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Sửa điện thoại; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T; vợ con chưa có; tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 06/06/2019, bị Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt hành chính 2.500.000 đồng về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác”.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/7/2020 (có mặt).

Bị hại: Chị Hoàng Thị Đ, sinh năm: 1985; nơi cư trú: 2805/32 P.T.H, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Võ Văn T, sinh năm: 1976; nơi cư trú: 357/31/50 H.G, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm: 1968; nơi cư trú: D20/527A T.Q.N, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 02 năm 2020, Chị Hoàng Thị Đ có vay của Nguyễn Văn U số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 20%/tháng và vay của Lê Thị Diễm T số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 15%/tháng, không thế chấp tài sản.

Đến khoảng 15 giờ 30 ngày 15/3/2020, U và người bạn tên Hải (không rõ lai lịch) điều khiển xe gắn máy Honda Vision (không rõ biển số) đi ngang quán nước của chị Đ tại nhà không số đối diện căn hộ 005 chung cư C2 H.L, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì thấy bạn trai của chị Đ là anh Nguyễn Thanh S đang chuyển một số tài sản chất lên xe ba gác. U nghĩ chị Đ và anh S tẩu tán tài sản để trốn nợ nên điện thoại thông báo cho T biết. Khi tới nơi, T gặp và hỏi anh S thì anh S trả lời không biết việc chị Đ mượn tiền của T và U. Lúc này, T gọi điện cho Nguyễn Minh Tr, nhờ Tr đến cùng T đi công việc, Tr điều khiển xe gắn máy chở Vũ Trường V, Trương Minh N và Võ Điền Q đi cùng.

Đến khoảng hơn 16 giờ cùng ngày 15/3/2020, Tr điều khiển xe gắn máy Honda Vario chở V, N, Q đến nhà không số đối diện căn hộ 005 chung cư C2 H.L, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để gặp T.

Lúc này, U đi bộ vào quán nước của chị Đ gặp anh S để nói chuyện nợ nần giữa chị Đ với U và T thì giữa U và anh S có cự cãi. U cầm 01 ly nhựa ném vào anh S nhưng không trúng khiến anh S hoảng sợ bỏ chạy vào phòng ngủ khoá cửa. Thấy anh S sợ không dám ra khỏi phòng, ngay lập tức U bàn bạc với T lấy tài sản của chị Đ đưa về nhà cho T cất giữ, khi nào Đ trả nợ thì U và T trả lại số tài sản này cho chị Đ thì T đồng ý. Cùng lúc này, Tr đi bơm bánh xe xong về đến thì T nói: “Bà này thiếu tiền chị mà bỏ trốn, ông này ông không là gì mà ông đem đồ đi bán, giờ ông trốn trong phòng luôn, mấy đứa coi có cái nào có giá trị thì dọn đem ra xe giùm chị” và nhờ nhóm Tr gọi xe ba gác máy để vận chuyển tài sản. V đi tìm gặp và kêu anh Võ Văn T điều khiển xe ba gác biển số: 61L7-7542 đến. Sau đó T kêu Tr, N, Q vào hỗ trợ đem tài sản của chị Đ ra ngoài để lên xe ba gác. Ngoài ra, U cũng nói với Tr, N, V, Q “Bà Đ thiếu nợ anh giờ bỏ trốn luôn rồi, mấy em vô nhà đem đồ ra xe giùm anh!” Tr, N, V, Q nghe T và U nói thì mới biết chủ nhà thiếu nợ T và U, nay U và T muốn lấy tài sản để buộc con nợ trả tiền (siết nợ) nên đồng ý. Khi cả nhóm đang đem tài sản của chị Đ chất lên

xe ba gác thì Lại Thanh P chạy ngang, do quen biết nên U gọi P dừng lại nói chuyện rồi nhờ P hỗ trợ đem tài sản ra xe ba gác. Khi các đối tượng đang chuyển tài sản lên xe ba gác thì Công an Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện thu giữ số tài sản mà các đối tượng chiếm đoạt của bị hại gồm: 01 bộ máy lạnh hiệu LG, 01 máy giặt hiệu Panasonic, 01 quạt điện hiệu Trường Hải, 01 máy chiên thực phẩm (không rõ hiệu), 01 máy xay sinh tố hiệu Philip, 01 máy say sinh tố (không rõ hiệu), 01 máy ép trái cây hiệu Kitchenlux, 01 Amply hiệu California electronic, 01 ấm đun siêu tốc (không rõ hiệu), 02 thùng nhựa hiệu Ty Liên, 01 thùng loa (không rõ hiệu), 12 bàn gỗ, 05 bàn inox, 02 ghế gỗ xếp, 50 ghế inox xếp. Ngoài ra còn thu giữ 01 xe ba gác biển số 61L7-7542 là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Công an Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đưa toàn bộ đối tượng cùng vật chứng thu giữ về trụ sở Công an phường. Vụ việc, sau đó được lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, chuyển cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 thụ lý theo thẩm quyền.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi cưỡng đoạt tài sản như nêu trên.

Ngày 19/5/2020, Hội đồng định giá tài sản Quận 8 định giá, kết luận tổng trị giá tài sản do U và đồng phạm chiếm đoạt của chị Đ là 6.725.000 (sáu triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn) đồng.

Để có cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi do các bị cáo thực hiện, Cơ quan điều tra đã ban hành văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thông tin về mức độ ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Ngày 22/5/2020, Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh có công văn trả lời: Hành vi của U và đồng phạm có ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Vật chứng trong vụ án:

- Xe ba gác máy biển số: 61L7-7542 có số khung bị mài, đục số, không xác định được nguyên thủy, số máy: 163ML-8HC00006, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 đã thông báo tìm chủ sở hữu, hiện chưa có kết quả.

- Toàn bộ số tài sản mà các đối tượng chiếm đoạt, ngày 06/04/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho chủ sở hữu là Chị Hoàng Thị Đ. Chị Đ không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

Tại bản Cáo trạng số 178/ CT-VKSQ8 ngày 08/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Nguyễn Văn U, Lê Thị Diễm T, Nguyễn Minh Tr về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, theo điểm đ khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn U, Lê Thị Diễm T, Nguyễn Minh Tr về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 170, các điểm h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn U, Nguyễn Minh Tr mỗi bị cáo từ 03 năm đến 04 năm

tù; áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 170, các điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Thị Diễm T từ 02 năm đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận; các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 15/3/2020, bị cáo Nguyễn Văn U có hành vi đe dọa uy hiếp tinh thần nhằm cùng Lê Thị Diễm T, Nguyễn Minh Tr và Vũ Trường V, Trương Minh N, Võ Điền Q thực hiện chiếm đoạt tài sản của Chị Hoàng Thị Đ. Tổng toàn bộ tài sản cưỡng đoạt có trị giá là 6.725.000 (sáu triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn) đồng. Hành vi của các bị cáo đã kịp thời bị phát hiện. Hành vi của bị cáo U và đồng phạm có ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, đây là tình tiết định khung tăng nặng “*Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội*”.

[3] Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Cưỡng đoạt tài sản” như sau:

“1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm;

...

đ) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[4] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn U, Lê Thị Diễm T, Nguyễn Minh Tr đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu; tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn tại địa phương, xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly các bị cáo Nguyễn Văn U và Nguyễn Minh Tr ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[7] Xét bị cáo T có nhân thân tốt, có công việc ổn định, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, là lao động chính để nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; có khả năng tự cải tạo, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo không có tình tiết tăng nặng, nên Hội đồng xét xử nhận thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo với một thời gian thử thách nhất định theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cũng đủ để răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[8] Trong vụ án, các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm nhưng chỉ mang tính nhất thời, giản đơn. Bị cáo U là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác đến tham gia giúp sức. Các bị cáo T, Tr giúp sức thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản. Bị cáo Tr có 01 tiền sự bị xử phạt hành chính về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác” cho thấy bị cáo có nhân thân xấu, do đó khi lượng hình Hội đồng xét xử áp dụng Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét, quyết định mức hình phạt phù hợp đối với tính chất, vai trò từng bị cáo.

[9] Đối với hành vi cho vay nặng lãi nặng của Nguyễn Văn U và Lê Thị Diễm T, do tiền thu lợi chưa đến 30.000.000 đồng, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 không xem xét xử lý.

[10] Đối với Lại Thanh P, do chỉ có lời khai duy nhất của U nói cho P biết việc chị Đ trốn nợ. Ngoài ra không còn chứng cứ nào xác định P biết việc lấy tài sản của chị Đ nhằm siết nợ nên không đủ căn cứ xử lý đối với P về hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác.

[11] Đối với anh Võ Văn T, khi điều khiển xe ba gác máy đến nhà chị Đ để nhận vận chuyển tài sản, anh T không biết hành vi của U và đồng phạm là tội phạm nên không có căn cứ xử lý.

[12] Đối với Vũ Trường V, Trương Minh N, Võ Điền Q hiện đã bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 đã ra quyết định tách vụ án hình sự, tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can và quyết định truy nã đối với V, N và Q nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[13] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

- 01 xe ba gác máy biển số: 61L7-7542 có số khung bị mài, đục số, không xác định được nguyên thủy, số máy: 163ML-8HC00006. Do chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp của xe nên cần tiếp tục đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng tìm chủ sở hữu hợp pháp xe trên trong thời hạn 01 năm, hết thời hạn trên không có người nhận hợp pháp thì tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Toàn bộ số tài sản và các đối tượng chiếm đoạt, ngày 06/4/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả tài sản cho chủ sở hữu là Chị Hoàng Thị Đ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Về trách nhiệm dân sự: do bị hại không có yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn U, Lê Thị Diễm T, Nguyễn Minh Tr phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 170, các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn U 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/3/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Tr 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/7/2020.

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 170; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Thị Diễm T 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015; các điều 221, 228 của Bộ luật Dân sự.

Tiếp tục đăng thông báo tìm chủ sở hữu 01 xe ba gác máy biển số: 61L7-7542 có số khung bị mài, đục số, không xác định được nguyên thủy, số máy: 163ML-8HC00006, trong thời hạn 01 năm, hết thời hạn trên không có người nhận hợp pháp thì tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/10/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8).

- Căn cứ vào Điều 135, 136 của Bộ luật Tổ tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc mỗi bị cáo Nguyễn Văn U, Lê Thị Diễm T, Nguyễn Minh Tr nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo Lê Thị Diễm T).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phúc